

TRẦN BẢO ĐỊNH – NGƯỜI KỂ CHUYỆN ĐỜI QUA NHỮNG TRANG THƠ

TRAN BAO DINH – THE STORYTELLER OF LIFE THROUGH POETRY

Lê Thị Nhiên^{1*}, Huỳnh Vũ Bảo²

¹Phân hiệu Trường Đại học FPT tại Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

²Liên đoàn Lao động Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: nhienlt2@fe.edu.vn

(Nhận bài / Received: 27/12/2024; Sửa bài / Revised: 24/02/2025; Chấp nhận đăng / Accepted: 31/3/2025)

DOI: 10.31130/ud-jst.2025.582

Tóm tắt - Trần Bảo Định là tác giả có nhiều đóng góp đối với văn học Việt Nam hiện đại, trong đó có thể loại thơ. Bài viết này nghiên cứu thơ của Trần Bảo Định từ góc độ cảm hứng thể sự. Trần Bảo Định là một nhà thơ có một vốn sống phong phú, trải qua nhiều thăng trầm trong cuộc đời và chứng kiến nhiều sự đổi thay của xã hội. Ông có tình cảm sâu nặng với quê hương, đất nước và nhiều ân tình với những người ông đã gặp trong cuộc đời. Ông đã viết nên những câu chuyện sinh động, thú vị qua những trang thơ. Đó là những câu chuyện trong hành trình qua mỗi miền đất nước, câu chuyện về cuộc đời của người lính và chuyện đời sống tâm linh của người Việt. Vì vậy, thơ ông giàu tính hiện thực, giàu cảm xúc và có giá trị nhân văn sâu sắc.

Từ khóa - Cảm hứng thể sự; Thơ; Trần Bảo Định; Văn học hiện đại

1. Đặt vấn đề

Hơn một thập niên qua, trên văn đàn Việt Nam, Trần Bảo Định là một tác giả được nhiều bạn đọc và giới nghiên cứu quan tâm. Dù tuổi đời đã ngoài bảy mươi, ông vẫn được mệnh danh là “nhà văn trẻ” vì những sáng tác của ông xuất hiện khá muộn. Tuy vậy, nhà văn đã thể hiện một sức viết bền bỉ, bút lực dồi dào. Trần Bảo Định góp mặt ở nhiều thể loại: truyện ngắn, thơ, khảo cứu, phê bình... Ở thể loại nào tác giả cũng đều thể hiện sự tâm huyết, tạo nên những tác phẩm mang dấu ấn riêng. Bạn văn và giới nghiên cứu nhắc đến ông bằng danh xưng “ông già Nam Bộ nhiều chuyện” bởi lẽ văn chương của ông phản ánh những câu chuyện đời thường, gần gũi nhưng sâu sắc và ý nhị. Tác giả xem hành trình sáng tác của mình như một cuộc dạo chơi, đem những trải nghiệm của mình tỏ bày cùng người đọc để mong lưu giữ những giá trị đáng quý của cuộc đời.

Vai trò “ông già Nam Bộ nhiều chuyện” của Trần Bảo Định không chỉ thể hiện trong truyện ngắn và các công trình khảo cứu mà còn thể hiện trong thơ. Trần Bảo Định bén duyên với thơ từ khi còn rất trẻ. Đến nay, ông đã cho ra mắt sáu tập thơ: *Ngao du sơn thủy* (2012), *Thầy tôi* (2013), *Mẹ, Tiếng lòng* (2013), *Sáu Tám* (2013, in chung với Hoàng Yên Dy), *Vợ tôi* (2014), *Làng tôi* (2015). Cảm hứng thể sự đã trở thành một mạch nguồn xuyên suốt trong các sáng tác của ông. Những vần thơ là nơi để tác giả gửi gắm tâm tư, tình cảm và ghi lại những sự kiện, những kỉ niệm đáng nhớ trong cuộc đời. Chính vì lẽ đó, đọc thơ Trần Bảo Định, người đọc đắm mình trong thế giới của những câu chuyện giản dị, hấp

Abstract - Tran Bao Dinh is an author who has made significant contributions to modern Vietnamese literature, particularly in the genre of poetry. This article examines Tran Bao Dinh's poetry from the perspective of socio-political inspiration. He is a poet with a rich life experience, having gone through many ups and downs and witnessed numerous changes in society. He harbors a profound love for his homeland and country, and holds deep affection for the people he has encountered throughout his life. Through his poems, he has vividly and engagingly portrayed these stories. They recount his journeys across various regions of the country, the life of soldiers, and the spiritual life of the Vietnamese people. As a result, his poetry is rich in realism, deeply emotional, and carries profound humanistic value.

Key words - Worldly inspiration; Poetry; Tran Bao Dinh; Modern literature

dẫn, đôi khi li kì và không kém phần lãng mạn. Những chuyện được kể trong thơ thường mang giá trị lịch sử, giá trị nhân sinh và thể hiện những suy ngẫm không ngừng của tác giả trong hành trình sống và sáng tác.

2. Nội dung

Thơ là tiếng lòng, là những rung động từ trái tim của thi sĩ trước cuộc sống. Đối với Trần Bảo Định, thơ cũng là những trang nhật kí sinh động và giàu cảm xúc. Chế Lan Viên đã từng viết: *Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành một mật/ Một giọt mật thành, đời vạn chuyển ong bay (Ong và Mật)*. Thơ Trần Bảo Định cũng là những giọt mật thơm tho được kết tinh từ hiện thực đa dạng với tâm hồn nhạy cảm và những trải nghiệm phong phú của ông. Đọc thơ Trần Bảo Định, người đọc như cùng tác giả bước vào những cuộc “ngao du”. Khi nói về cảm xúc và tình cảm trong thơ, Pautôpxki cho rằng, khi cảm hứng xuất hiện, “*lúc đó thế giới bên trong của chúng ta trở nên tinh tế và chuẩn xác như một cây đàn kỳ diệu, đáp lại mọi âm thanh của cuộc đời kể cả những tiếng động thầm kín nhất, khó nhận thấy nhất*” [1; tr. 46].

2.1. Những câu chuyện từ hành trình “ngao du sơn thủy”

Bước vào thế giới trong thơ Trần Bảo Định, có thể thấy, tác giả đã thật sự có một hành trình sống phong phú. *Ngao du sơn thủy* là tên của một tập thơ và đó cũng là quá trình đi để khám phá, trải nghiệm của tác giả. Nhà thơ say mê tả và kể về vẻ đẹp của quê hương đất nước. Dõi theo những trang thơ, người đọc như cùng đồng hành, chiêm ngưỡng sự hiểm trở nhưng kì vĩ của những con đèo nổi tiếng của Việt Nam

¹ FPT University Campus in Can Tho City, Vietnam (Le Thi Nien)

² Ca Mau Provincial Labor Federation, Vietnam (Huynh Vu Bao)

như Pha Đin, Khau Phạ, Hải Vân, Krông Pha, Mang Yang, Mã Pí Lèng, Đèo Ngang, Lò Xo, Phụng Hoàng, Prenn... Mỗi khi dừng chân trên các đỉnh đèo, tác giả như thu trọn cảnh sắc của núi rừng trong ánh mắt say sưa và tâm hồn rộng mở. Tây Bắc hiện lên với hình ảnh “*Hoa ban nở trắng cổng trời/ Hoa đào hồng điểm đất trời vào xuân*” (Đèo Ô Quy Hồ cuối trời Tây Bắc) [2] hay “*Vàng nương lúa chín từng thang ruộng*” (Tản mạn đèo Khau Phạ) [2]. Không gian rộng lớn, huyền ảo trong những buổi chiều “*Mây phủ đỉnh đèo, mây phủ mây*” (Hàng hôn trên đỉnh đèo Pha Đin) [2] đã làm cho thi nhân không thể dời chân. Khác với sự hùng vĩ của Tây Bắc, Tây Nguyên qua sự thể hiện của tác giả mang không khí trong trẻo lại đậm nét hoang sơ của những cánh rừng già và những thác nước ngày đêm vang vọng: “*Đường đèo đẹp kì lạ/ Uốn lượn như ngựa phi/ Thông bạt ngàn rượt đuổi/ Theo tiếng thác âm ỉ*” (Đèo Prenn kỷ niệm) [2]. Người đọc cũng sẽ biết đến Tây Nguyên qua những hương sắc đặc trưng: “*Hương cà phê thoang thoang/ Đường sơn cước tràn hoa*” (Nhớ đèo Mang Yang), “*Đổ đèo vào Bảo Lộc/ Lợp lợp những đồi trà/ Tầng tầng qua con dốc/ Thành phố thấp đèn hoa*” (Mưa chiều đèo B'la) [2]. Rồi núi non hùng vĩ, tác giả sẽ đưa người đọc về với miền sông nước Nam Bộ nên thơ, hữu tình. “*Những rặng dừa xanh thẳng tắp hàng*” (Nam Du quần đảo nhớ), “*Những vạt tràm xanh bông trắng thơm.../ Những nhánh sông khuya mỗi mắt chờ.../ Những mái chèo khua động ánh trăng*” (Vĩnh Hưng mùa thương nhớ) [2] đã trở thành những hình ảnh gắn liền với kỉ niệm và nỗi nhớ. Bức tranh quê hương được tác giả khắc họa giản dị, chân thực, gọi cho người đọc không chỉ là cảnh mà còn có cả tình. Từ địa đầu Tổ quốc đến Xóm Mũi cuối trời nơi miền cực Nam, nơi nào cũng đầy những vẻ đẹp như tranh, như thơ dù trải qua bao thăng trầm bởi chiến tranh khốc liệt.

Không chỉ nghe kể chuyện, người đọc còn nhận ra nhiều vấn đề trong hành trình khai khẩn vùng đất mới qua thơ của Trần Bảo Định. Những câu chuyện về vùng đất Nam Bộ đã được tác giả nhắc đến trong nhiều bài thơ bằng mỗi tình cảm sâu nặng và sự am hiểu cần kẽ. Trong các bài thơ *Cần Thơ hoài cảm*, *Hà Tiên thập cảnh hoài cổ*, *Đêm Lục Sĩ Thành nhớ cù lao Mây*, *Cổng làng*... lối sống, tính cách, đặc điểm của cư dân và vùng đất Nam Bộ được đề cập khá cụ thể. Trong bài thơ *Cổng làng*, tác giả nói về tổ chức làng xã ở Nam Bộ và cũng lí giải về nguồn gốc, xuất thân của những người vào lập nghiệp ở phương Nam: “*Cổng làng giềng mối sống chung/ Là dân tứ xứ hợp quần khăn hoang/ Cổng làng chia sẻ cơm mang/ Những ai nghèo đói làm than ngục tù*” (Cổng làng) [3]. Làng ở Nam Bộ không khép kín, không được bao bọc bởi lũy tre làng mà thường bị giao cắt bởi những ngã ba, ngã tư sông do đặc điểm sông ngòi chằng chịt. Dân cư sinh sống trong làng cũng không cùng dòng họ mà được tập hợp từ nhiều nơi, nhiều vùng khác nhau. Người ta còn gọi làng ở Nam Bộ là làng khai phá. Những người sa cơ lỡ vận, thiếu áo đổi cơm đều được dân làng dang tay thu nhận, diu dắt nhau qua những lúc khó khăn: “*Người dân chân chất, vui vồn và/ Sống chết cùng nhau với nước non*” (Thăm đảo Phú Quốc) hay: “*Dẫu có quê mùa lòng trọng nghĩa/ Giúp người lỡ bước, lúc sa cơ!*” (Vĩnh Hưng mùa nước nổi) [2]. Người Nam Bộ trọng nghĩa khinh tài, đôn hậu, chất phác đã được biết đến xưa nay. Qua những tác phẩm trên, nhà thơ không ngợi ca, không hô hào suông mà còn thông qua những biểu hiện cụ thể để làm cho đức tính ấy được bộc lộ tự nhiên.

Đời sống và nếp sinh hoạt của người Nam Bộ cũng có những đặc trưng riêng gắn với kênh rạch sông ngòi: “*Cầu khi gặp ghềnh phơi nắng mưa/ Đường đi lầy lội xóm lúa thưa*” (Xóm Mũi cuối trời miền cực Nam Tổ quốc), “*Những cánh đồng hoang, mọc lúa ma/ Nuôi người nghèo khó, sống không nhà*” (Vĩnh Hưng mùa thương nhớ) [2]. Do kênh, mương, rạch chia cắt nên trước đây, những chiếc cầu khi đã trở thành hình ảnh quen thuộc, kết nối tình làng nghĩa xóm và trở thành nét đặc trưng của vùng đất cực Nam Tổ quốc. Còn cây lúa ma hay còn gọi lúa trời là giống lúa có thể lặn ngụp, vươn mình vượt lên nước lũ, trở thành nguồn lương thực tự nhiên giúp người dân vượt qua những ngày túng thiếu. Ở Nam Bộ, cư dân có những nghề riêng để thích ứng với “*Một mùa nước nổi, một mùa khô*” (Vĩnh Hưng mùa nước nổi). Trong sinh kế của những người thương hồ, họ thường chọn nơi “*Dòng sông kết nối đôi vùng đất/ Giáp nước giao thoa điểm Tịnh Hà*” [2]. Nơi giáp nước thường là các ngã ba sông, có cảnh trí nhộn nhịp, sầm uất, thuận lợi cho việc trao đổi, mua bán. Mùa nước nổi tràn đồng thì “*Chống xuống đặt trúm ven đồng*” (Đêm Vĩnh Hưng uống rượu) [3], “*Thuyền câu ẩn hiện trên sông nước*” (Đêm Lục Sĩ Thành nhớ cù lao Mây), “*Lò, vó, trúm, câu, nhộn nhịp quê [...]*” (Những đóm đèn câu giăng mắc đêm), “*những mùa gặt mướn*” (Vĩnh Hưng mùa nước nổi), “*Chống xuống giăng lưới mùa tôm cá/ Bì bôm đặt lò em với anh*” (Lỡ bước) [2]... Mùa mưa thì nước tràn đồng bung nhưng mùa nắng thì đồng khô cò cháy: “*Những mùa khô cháy, đốt đồng đêm/ Dây lửa giăng giăng mắt nhà nhem*” (Vĩnh Hưng mùa nước nổi), “*Tháng giêng nắng gắt mắt em say*” (Lỡ bước)... Những người dân xứ biển thì gần bó với “*Những thuyền câu mực giăng đèn đêm*” (Nam Du quần đảo nhớ) [2]. Khi đọc thơ Trần Bảo Định, những người Nam Bộ dường như bắt gặp đầu đó một phần cuộc sống của mình và được gọi nhắc nhiều kỉ ức; những ai chưa từng đến nơi này, cũng có thể hình dung và cảm nhận được màu sắc Nam Bộ. Tác giả không chỉ gọi nhắc mà còn muốn lưu giữ và trao truyền những giá trị đáng trân trọng.

“Ông già Nam Bộ” còn giới thiệu với độc giả những phong tục, tập quán hay sinh hoạt văn hóa đặc trưng của người Việt Nam. Qua thơ của Trần Bảo Định, người đọc thấy được tục xưa, nếp cũ về các ngày lễ, Tết quan trọng như Tết Nguyên Đán, Tết Đoan Ngọ, Lễ Vu Lan, Lễ Kỳ Yên... Quan niệm *Mồng một Tết cha, mồng hai Tết mẹ, mồng ba Tết thầy* được tác giả thể hiện rõ trong bài thơ *Ngày Tết*. Điều này mang đậm giá trị nhân văn, tôn lên truyền thống hiếu thảo, tôn sư trọng đạo, uống nước nhớ nguồn. Trong bài thơ *Tết Đoan Ngọ nhớ quê*, nhà thơ lí giải nguồn gốc hình thành: “*Rằng, Tết Đoan Ngọ bên Tàu/ Khuất Nguyên tự tử bởi sâu nước non*” [3]. Mồng năm tháng năm, người dân sẽ chuẩn bị mâm cúng: “*Nước tro bánh ú thân thương/ Cơm rượu, trôi nước, dâng hương vía bà*” [3]. Từ ý nghĩa của hành động diệt sâu bọ, tác giả nâng lên thành ước vọng trừ gian diệt ác, đánh đuổi giặc ngoại xâm của nhân dân. Bài thơ *Lễ kỳ yên* đã miêu tả rõ nét các nghi thức cúng lễ cũng như phần hội tại đình An Trị. Đây cũng là một trong những nét đẹp về văn hóa tâm linh của người Nam Bộ. Trong thơ của Trần Bảo Định, tiếng hò, câu vọng cổ, điệu hát ru, các điệu lí... đã trở thành nỗi nhớ khắc sâu trong tâm thức mỗi khi nhắc đến xứ sở, quê hương.

Các địa danh trên mọi miền đất nước thường được tác giả giới thiệu bằng một câu chuyện hay một giai thoại. Điều này vừa gọi lên sự tò mò vừa mang đến cho người đọc những khám phá thú vị. Trong bài thơ *Thất sơn kí sự*, tác giả không

chỉ miêu tả vẻ đẹp, sự kì vĩ của những ngọn núi giữa đồng bằng mà còn lưu dấu như những căn cứ của các thủ lĩnh trong phong trào Cần Vương và trong cuộc kháng chiến sau này: “*Ô Tà Sóc anh hùng/ Ma Thiên Lãnh bất khuất*”, “*Đôi Túc Dup máu xương/ ... Hồ Xoài Xo can trường*” [2]. Vùng đất Tây Nguyên trong bài thơ *Nhớ đèo Mang Yang* và *Nhớ đèo Hòn Giao* gắn liền với sinh hoạt văn hóa công chiêng. Lễ hội này thể hiện khát vọng về cuộc sống thanh bình, yên ổn và sung túc ở các buôn làng. Địa danh Ghềnh Ráng gắn liền với câu chuyện của thi nhân Hàn Mặc Tử, Đèo Ô Quy Hồ được nhắc đến bằng câu chuyện tình chung thủy nhưng kết thúc bị thương. Đồng Văn, Mèo Vạc được tái hiện bằng hình ảnh Chợ phong lưu Khâu Vai diễn ra ngày hai mươi bảy tháng ba âm lịch. Đây là chợ tình riêng có ở cao nguyên này. Con đường Mã Pí Lèng nối Đồng Văn với huyện Mèo Vạc được xem là một kì tích bởi những người thợ làm đường đã làm nên từ những dụng cụ thô sơ, vượt qua “thế giới đá tai mèo” cao chót ngất. Dù đã trải qua gian khổ, hy sinh nhưng con đường mang tên Hạnh Phúc này là thành quả đáng tự hào của người Việt Nam và các thế hệ sau cần được hiểu: “*Trần địa đầu Tổ quốc/ Mã Pí Lèng hiên ngang/ Ngăn giặc thù xâm lược/ Giữ bình yên bản làng*” (*Chiều ai bắc trên đỉnh đèo Mã Pí Lèng*) [2]. Khi nhắc đến đèo Cà, hình ảnh “*Vùng Rô sóng vỗ đầy hoa biển*” (*Đèo Cà quê hương tôi*) [2] đã gọi lại huyền thoại tàu không số, những người chiến sĩ đã vượt hành trình gian nan, viết nên câu chuyện đáng tự hào trong lịch sử... Đọc từng trang thơ của Trần Bảo Định, chuyện xưa được kể lại sinh động với nhiều cung bậc cảm xúc. Bằng cái tôi của một người từng trải, lối kể giản dị, từ tốn và kể nhiều chuyện đời, chuyện người, “ông già Nam Bộ” thường mượn những sự kiện, nhân vật lịch sử để khơi gợi truyền thống và nhắc mình, nhắc người sống xứng đáng với quá khứ ấy.

2.2. Những câu chuyện từ cuộc đời người lính

Thời thanh xuân nhà thơ đã đáp lời non sông, bảo vệ Tổ quốc, tuổi xế chiều vẫn chan chứa tâm lòng. Nhà thơ ghi nhớ mỗi một trận đánh, mỗi một chiến công để gửi gắm người đời sau không quên lịch sử dân tộc. Trong thơ, Trần Bảo Định có những khoảnh khắc trở về với những cung bậc tình cảm riêng tư. Những lúc ấy, ông nhắc nhiều đến những năm tháng trải qua trong khi tham gia cơ sở cách mạng: “*Ta từ cuộc chiến bước ra/ Đạn bom đã trải, xông pha đã từng*” (*Cuối năm nhớ bạn*) [4]. Ông nhớ về những người đồng đội và những người lính trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược. Lúc này, lời thơ của ông tuy có sự cảm thán về những mất mát, hy sinh nhưng cũng đầy kiêu hãnh, tự hào.

Trần Bảo Định đã tạo nên hai hình ảnh đối lập: những khoảng thời gian bình yên hiếm hoi ở vùng Tân Trụ quê mẹ, An Vĩnh Ngãi quê cha và cảnh quê hương bị quân thù giày xéo. Sự xuất hiện của quân xâm lược đã làm tắt hẳn niềm vui của những ngày mùa, tắt hẳn tiếng cười bên những nhịp chày giã gạo và xoá tan khung cảnh sum họp của ngày cuối năm bên nồi bánh tét thơm lừng: “*Xóm áp tiều điều bom đạn xối/ Bót đồn rải rác đóng quanh làng*” (*Đêm qua nhà*) [5] hay những cảnh: “*Điều hâu Mỹ xâm lược/ Rĩa ròi xác quê hương [...] Chiến tranh tràn vào phố/ Bom đạn đã lên giường*” (*Đêm hạnh ngộ*) [6]. Hình ảnh này đau đáu trong tâm hồn và bộc lộ thành lòng căm thù giặc sâu sắc: “*Không khí thanh bình nay đã chết/ Thay bằng máu lửa dệt hờn căm*” (*Nhớ mẹ*) [5]. Nỗi khổ và niềm uất hận đã hun đúc thành tình yêu quê hương không gì lay

chuyển được. Những người mẹ, chàng trai, cô gái đã biến đau thương thành sức mạnh của lòng căm hờn để đánh đuổi giặc ngoại xâm. Bởi nhà thơ hiểu được rằng: “*Chẳng nơi nào hoa nở/ Mà không có máu xương*” (*Đêm hạnh ngộ*) [6].

Tác giả đã kể lại câu chuyện của những nhân vật trong lịch sử bằng sự ngưỡng vọng và lòng mến phục. Đó là chuyện về anh hùng Nguyễn Hữu Huân: “*Khi quê lửa bóng dầu sôi/ Thủ Khoa Huân đã đáp lời cứu nhân/ Cùng tri huyện Âu Dương Lân/ Đánh đồn Bình Chánh, diệt mồm vong nô*” (*Bông súng nhớ Thủ Khoa Huân*) [3]. Nhà thơ không làm công việc của người chép sử, chi tiết được lựa chọn để kể đều mang dụng ý sâu xa. Chuyện về Tri huyện Chợ Gạo, Định Tường - Âu Dương Lân - vì thương dân lầm than dưới gót giày xâm lược, từ bỏ lợi danh để sát cánh chống quân thù: “*Người đi bỏ lại công đường/ Vung gươm tiến thẳng sa trường chém Tây*” (*Khóc Âu Dương Lân*) [3]. Chuyện về anh hùng Nguyễn Văn Tịch: “*Vì thương xứ sở quê hương/ Giận quân xâm lược lên đường tòng quân*” [3] để rồi phải gửi thân chốn sa trường nhưng danh thơm lưu truyền hậu thế. Chuyện về nữ sinh Nguyễn Thị Vĩnh Hòa (*Tình đầu*), chuyện về trận chiến Gạc Ma và những tượng đài bất tử: “*Chinh phu đi, có mấy người về/ Trường sa dịu vợi bóng trăng quê*” (*Khóc chinh phu*) [5]. Chính họ đã điểm tô cho non sông gấm vóc và viết nên những trang sử vàng cho dân tộc Việt Nam.

Qua những câu chuyện, người lính hiện lên với sự kiên cường bất khuất, không ngại gian khổ hy sinh. Tác giả nhắc đến đáng về khinh bạc và kiêu hùng, tư thế hiên ngang trong mưa bom bão đạn của họ: “*Sóng hồ phiêu bạc trai thời loạn/ Nào có mong chi buổi trở về/ ... Áo trận sờn vai lấm bụi đường*” (*Yêu em*) [5]. Những vần thơ của Trần Bảo Định gợi nhắc hình ảnh người chinh nhân trong *Lương Châu từ* của Vương Hàn: “*Tuý ngoại sa trường quân mạc tiêu/ Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi*” hay hình ảnh người anh hùng thời kì chống Pháp trong thơ Chính Hữu: “*Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa/ Mãi dầu xanh thè mãi đến khi già/ Phơi nắng gió. Và hoa ngàn cỏ dại*” (*Ngây về*). Họ đã trao cả thanh xuân cho Tổ quốc vì khát vọng hòa bình: “*Người chiến sĩ trước giờ nổ súng/ Ngực căng phồng, tim đập nhanh hơn/ Răng, môi mím chặt máu căm hờn/ Mắt trừng thẳng, tuốt lê chờ giặc*” (*Người chiến sĩ*) [2]. Bom đạn, những đòn tra tấn dã man của quân thù không làm họ sờn lòng, nhụt chí. Họ chỉ canh cánh trong lòng niềm thương nhớ quê nhà và xót xa khi nhớ đến mẹ, người vợ ngày đêm mòn mỏi chờ đợi: “*Ma Thiên Lãnh, người tù đói khổ/ Rét lạnh bám thân những trận roi/ Cổ quận mờ xa biển biệt nhớ/ Cầu Tàu đỏ máu, Mẹ hiền ơi*” (*Côn Đảo*) [2]. Những lời tâm tình chân thành cũng đủ làm da diết trái tim người đọc. Hòa bình đã thành hình từ xương máu của bao người chiến sĩ. Họ đã sống, chiến đấu không mong được đền đáp, ghi công, chỉ mong ngày trở về được sum họp, đoàn viên trọn vẹn. Là con người bằng xương bằng thịt, người lính cũng không tránh khỏi những lúc yếu lòng trước tình cảm gia đình thiêng liêng, tình yêu và lời hẹn thề son sắt với người xưa. Thế nhưng, họ vẫn đẹp với khí phách ngạo nghễ, sừng sững như bức tượng đài đến những thế hệ sau: “*Chịu chết, cho đời sau được sống/ Làm người phải xứng với quê hương*” (*Côn Đảo*) [2]. Ngoài những câu chuyện nơi tiền tuyến, tác giả còn kể chuyện ở hậu phương. Đó là chuyện về những người mẹ phải gánh chịu nhiều mất mát, chia li do chiến tranh, tạo loạn trong bài thơ *Chuyện người mẹ Long Mỹ*: “*Chồng tù Côn Đảo năm nào/*

Thằng Tư bị bắt lính vào bảo an/ Thằng Sáu đi du kích làng/ Thằng Út bỏ xứ sống lang bạt đời/ Bốn cô con gái mỗi nơi/ Đưa làm sở Mỹ đưa thời giao liên” [5]. Sau tất cả mẹ chỉ còn lại nỗi đau vì chồng con lần lượt hy sinh và tình cảnh trái ngang khi hai đứa con còn sống lại ở hai đầu chiến tuyến. Tình thương con vô hạn nhưng mẹ vẫn giữ lòng son sắt với quê hương. Những đứa con của mẹ sau những biến cố của cuộc đời đã chọn trở thành người cách mạng: “*Chồng càn nó quyết giữ lời thề xưa*” để trả mối thù nhà và “*Ba gái còn lại rửa hờn/ Thoát ly cầm súng giữ non nước nhà*” [5]. Họ muốn vươn mình khỏi cuộc sống tối tăm, khỏi vùng bùn lầy lội mà kẻ thù đã chìm họ xuống.

Khi chiến tranh kết thúc, người lính trở về thăm lại chiến địa xưa, tưởng nhớ về những người đồng đội đã từng cùng nhau kề vai sát cánh. Mặc dù bản thân họ cũng đã gửi lại một phần xương máu nơi chiến trường nhưng vẫn canh cánh nỗi niềm vì xác đồng đội vẫn còn lưu lạc: “*Anh về trên chiếc xe lăn/ Ghé thăm mộ gió những thằng bạn xưa/ [...] Chiến binh rũ áo tang bông/ Thương đồng đội cũ, thương đồng lúa xanh/ Còn bao nhiêu bạn bè anh/ Vẫn nằm rải rác rừng xanh chưa về?*” (Người chiến binh trở về) [3]. Người lính không quên những năm tháng hào hùng, luôn tự hào vì họ đã cùng nhau chiến đấu vì quê hương đất nước: “*Hầm hồ giao thông hào tránh pháo/ Người đi ngày ấy mấy ai về/ Địa hình rải rác bùn hòa máu/ Thấm xuống đồng chua nước mặn quê*” (Chiều Thuận Mỹ) [7]. Giờ đây trước cảnh kẻ mất người còn cũng không khỏi chạnh lòng. Trở về sau cuộc chiến tranh, may mắn hơn những người đồng đội, thế nên họ canh cánh trách nhiệm và nghĩa vụ đối với cuộc đời, với những dang dở, đau thương. Chiến tranh đã chia cắt những mối tình cảm đẹp. Sau những năm tháng xông pha chiến trường họ không thể nào tìm thấy những bóng dáng thân quen xưa trong khi cánh cũ vẫn còn, cái còn lại chỉ là nỗi sầu trĩu nặng: “*Ngã ba biên giới Ngọc Hồi/ Chiến tranh đã dứt, ngậm ngùi chưa vui*” (Qua đèo Lò Xo nhớ Kon Tum) [2]. Họ cảm thấy bản thân chưa bắt nhịp với cuộc sống thời hậu chiến để tiếp tục kế vai sát cánh với nhân dân: “*Đã qua chinh chiến lâu rồi/ Về quê chẳng giúp được người cùng quê*” (Say) [5]. Những vết thương chiến tranh không thể một sớm một chiều có thể hàn gắn được. Điều đáng trân trọng là sau những năm tháng xông pha chiến trường họ vẫn giữ tâm lòng son sắt, vẫn nhận về mình trách nhiệm giúp đỡ đồng bào để tiếp tục xây dựng quê hương.

Nhà thơ Trần Bảo Định kể về những người lính và mang dáng dấp của người chinh nhân xưa: kiêu hùng, bi tráng, lại vừa có sự giản dị, hồn hậu của người phương Nam. Những người lính trong thơ ông đa phần đều là người nông dân vì sống cảnh làm than mà cảm sùng để bảo vệ chính mình, bảo vệ làng xóm, quê hương. Trong đó, có những người trí thức, rời ghế nhà trường theo tiếng gọi của non sông, góp sức mình bảo vệ bình yên cho Tổ quốc. Họ gắn bó với xóm làng, yêu quê hương và quyết lòng chiến đấu vì hòa bình độc lập. Những người lính luôn giàu tình cảm và sống trách nhiệm trong mọi hoàn cảnh. Ý chí và tấm lòng như vậy thật đáng quý trọng biết bao. Mỗi cuộc đời là một câu chuyện đẹp, đáng trân trọng được gửi gắm qua những trang thơ. Trần Bảo Định không chỉ nhắc chuyện mà còn mong muốn lưu giữ những giá trị qua mỗi câu chuyện để thế hệ sau không quên cội nguồn.

2.3. Những câu chuyện về đời sống tâm linh

Tâm linh vốn là sinh hoạt tinh thần đã có từ xa xưa trong đời sống của con người. Theo quan niệm của Nguyễn Đăng Duy: “*Tâm linh là cái thiêng liêng cao cả trong cuộc sống đời thường, là niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng tôn giáo. Cái thiêng liêng, cao cả, niềm tin thiêng liêng ấy được động lại ở những biểu tượng, hình ảnh, ý niệm*” [8; tr.12]. Tâm linh có nghĩa là tâm hồn sáng suốt, thiêng liêng; là sự cảm nhận riêng của mỗi người về mối tương quan giữa bản thân họ với thế giới bao la đang tồn tại. Điều này phù hợp với đặc trưng phản ánh cảm xúc và đời sống tâm hồn con người của thơ ca. Nguyễn Quang Thiều đã từng chia sẻ: “*Sứ mệnh của thơ ca trong toàn cầu hóa là sự lan tỏa của thế giới tâm linh trong mỗi con người đang sống trên thế gian này. Đó không phải là sự thống nhất tôn giáo. Nó cao hơn mọi tôn giáo. Đó là sự lan tỏa của vẻ đẹp huyền diệu và sự tĩnh lặng vô tận trong tâm hồn con người*” [9]. Trần Bảo Định đã thể hiện trong thơ những miền tâm linh như chiều sâu trong đời sống tâm hồn và tình cảm của con người. Thơ của Trần Bảo Định đến với độc giả và được đón nhận bằng những tình cảm chân thành bởi vì ông không chỉ muốn ghi lại những gì mình đã trải qua mà còn muốn mang đến cho người đọc sự bình yên, thanh tịnh trong tâm hồn.

Thơ Trần Bảo Định thường thể hiện hành trình hướng về miền tâm linh. Điều đó thể hiện qua niềm tin vào sự sống vĩnh hằng của điều thiện, điều lành: “*Trên miền đất chết/ Mọc cây tình yêu*” (Ngỡ) [5]. Cây tình yêu ấy theo ngày tháng lớn lên, lá cành xanh biếc, toả rộng tình yêu thương và sự bao dung đến mọi người. Nơi nào có tình yêu thương tồn tại thì nơi đó sự sống sẽ hồi sinh và không ngừng nảy nở. Trong tâm niệm của thi nhân thường tồn tại một đấng vô hình - thấu hiểu, che chở và ban ơn cho nhân thế: “*Nguyện cầu cùng ơn trên/ Cho quê nhà bớt khổ/ Bao mảnh đời chênh vênh*” (Mai em về cố hương) [5]. Ông không phân biệt tôn giáo nào, chỉ tin vào cốt cách, sự hướng thiện, tin vào thế giới thanh khiết: “*Phật trầm tịch mặc trên đồi Rừng/ Tiếng kệ lời kinh ngân sắc không*” (Đà Lạt ơi) [5]. Và trong tâm niệm của tác giả, con người khi có niềm tin và thành tâm thì sẽ được chở che, bảo bọc: “*Quán Thế Âm Bồ Tát/ Đức Mẹ Maria/ Cứu độ tai nạn thoát/ Cung đèo hiểm người qua*” (Mưa chiều đèo B'la) [2]. Người Việt xưa nay thường quan niệm: “*Có thờ có thiêng, có kiêng có lành*”. Chính cái tâm và đức tin của con người chi phối đến suy nghĩ và hành động của họ. Sự thành tâm, gieo nhân tốt sẽ nhận được phúc lành. Trong tập thơ *Thấy tôi*, tác giả đã kể chuyện về thầy Nguyễn Khắc Dương. Đó là hình tượng một con người: “*Công tội trông nhờ cây Thánh Giá/ Vui buồn kí thác chuỗi Mân Côi*” (Nguyễn Khắc Dương) [6]. Xuất thân trong gia đình đại Nho gia, từng gia nhập Đội Tuyên truyền xung phong của Việt Minh Trung Bộ nhưng sau đó lại chọn đi tu. Dù phải trải qua biết bao thăng trầm, thầy vẫn kiên định con đường đã chọn. Qua lời kể của Trần Bảo Định, thầy là hiện thân của hành trình hướng đạo, hiện thân cho sức mạnh thần kì của đời sống tinh thần, đem tình yêu thương và sự bao dung che chở và giúp đỡ bao người.

Trong thơ Trần Bảo Định, con người thường hướng đến sự ngưỡng vọng về một cõi xa trần thế, tận cùng của Ta Bà Thế Giới, nơi con người thoát bỏ những “kham nhẫn”, đau thương: “*Thật xa, thật xa/ Một cõi ta bà/ Tận cùng sâu thẳm/ Mây khói bay qua*” (Một cõi) [5]. Cõi Ta Bà là một ý niệm về thế giới dưới cái nhìn của Phật Giáo. Nó được ví

như một quán trọ của đời người. Từ xưa, các bậc thi nhân cũng không ít lần nhắc đến trong thơ hình ảnh giấc mộng Nam Kha: “*Rượu đến cội cây ta sẽ uống/ Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao*” (Nguyễn Bình Khiêm), “*Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy, Cảnh phù du trông thấy những nực cười*” (Cao Bá Quát)... Trần Bảo Định không phải bậc hiền nhân nhưng khi trải qua chiến tranh, chứng kiến những cuộc sinh li tử biệt, ông càng suy nghĩ nhiều hơn đến sự phù du của cuộc đời: “*Sẽ có ngày xa thế giới này/ Đoạn đường kết thúc cõi trần ai/ Bạc tiền, danh vọng phù hư trá/ Nhà cửa, ruộng vườn như khói mây*” (Một đoạn đường) [5]. Kiếp người “sinh kí tử quy”, cuộc sống trần thế chỉ là tạm bợ. Cuộc đời như áng phù vân, chóng tụ nhưng cũng chóng tan. Sự tu tập, hướng thiện sẽ giúp cho con người được siêu thoát, an yên. Tâm niệm này sẽ giúp con người sống thiện lành và giàu tình yêu thương hơn: “*Án oán giờ buông bỏ/ Lòng thanh thân quay về/ Bích cầu đầy hoa cỏ/ Mặt hồ tịnh chiều quê*” (Thả như bước chân) [5]. Để có thể hành thiện qua bến mê, con người phải biết giữ cho lòng an yên, thanh tịnh, rũ bỏ những sân si, oán hận trong cuộc đời. Lối sống vô vi, tuý duyên sẽ giúp con người thoát khỏi những ưu phiền vì những sự đua chen, được mất.

Tuy vậy, Trần Bảo Định không khuyên người đời vứt bỏ thế gian. Người đắc đạo, có thể tu thành chánh quả không phải chỉ chăm chú vào bản thân mình mà phải nhập thế để giúp người đời: “*Thầy cúi mình, cùng khổ/ Sống chia đôn sẻ đau/ Lòng trong vạn lòng khổ/ Trọn vẹn nghĩa đồng bào*” (Tự sự) [7]. Con người đáng ngưỡng vọng không phải là người đứng ở trên cao mà là người đứng trong, đứng giữa cuộc đời để thấu hiểu. Có như vậy, họ mới có thể dịu dặt mọi người cùng vượt qua những gian khổ, chông gai. Nhà thơ kể chuyện, tâm tình và cũng không quên nhắc nhở mình sống trọn tình vẹn nghĩa với mọi người. Làm được những điều ấy mới không thẹn với lòng, mới xứng đáng với những ân nghĩa mà bản thân đã nhận được từ những người xung quanh: “*Có chi mà gọi là thiện/ Một chân chạm đất chân nghiêng mái chùa*” (Thiện) [3]. Lời nhắc nhủ chân thành ấy đã mang đến cho người đọc nhiều xúc cảm vì tấm lòng và niềm mong mỏi tha thiết được gần bó và san sẻ với những đau khổ, bất hạnh của người đời.

Miền tâm linh trong thơ Trần Bảo Định cũng chính là những miền kí ức sâu thẳm. Trong tập thơ *Mẹ*, nhà thơ dường như hồi tưởng tất cả những kỉ niệm, cảm xúc và câu chuyện về mẹ. Tập thơ mở đầu bằng bài thơ *Giỗ đầu của mẹ*. Bài thơ không dài nhưng chan chứa nhiều cảm xúc: nỗi nhớ, lòng biết ơn và cả sự đau xót. Các bài thơ trong tập thơ không sắp xếp theo trình tự thời gian sáng tác mà sắp xếp theo mạch câu chuyện về cuộc đời của mẹ. Từ sự thấu hiểu về những vất vả, gian lao và tấm lòng bao dung của người mẹ, cái tôi trữ tình đã bộc lộ tâm niệm: “*Tấm lòng Mẹ tựa biển trời/ Con thơ ghi nhớ như lời núi sông*” (Đời mẹ) [5] hay “*Trọn đạo yêu thương tình mẫu tử/ Thì ta mới xứng được làm người*” (Mẹ ơi!) [5]. Tác giả cũng gợi nhắc những kỉ niệm với những người bạn đã gần bó cùng nhau trong những chặng hành trình của cuộc đời. Nhà thơ khẳng định: “*Bằng hữu như chất ngọc/ Dù gió táp mưa sa*” (Đà Lạt đêm ngủ nhà Bảo Lân) [5]. Bài thơ *Khóc bạn* là nén hương lòng, thay lời lời tiễn biệt Minh Tâm - người bạn từng có thời gian gần bó ở Đại học Đà Lạt. Mỗi người bạn hữu đã để lại trong tâm thức tác giả những ấn tượng riêng mỗi khi nhắc đến: “*Nhớ người bạn*

cũ Thanh Châu/ Bàng đen, bụi giăng lằng sằng dòng đời/ Nguyễn Minh thư pháp gửi người/ Đây con chữ mưa giữa thời loạn luân” (Đêm ngủ trên đồi vắng) [5]. Tình nghĩa phu thê được thể hiện sâu sắc qua những bài thơ trong tập thơ *Vợ tôi* và những bài thơ khác: *Khóc vợ, Khóc tình lang*. Những kỉ niệm đã trải qua, những người đã gặp gỡ trong cuộc đời nhà thơ vẫn luôn lưu giữ, để không quên nhắc với mình về những tan - hợp trên mỗi bước hành trình.

Có thể thấy, sự mộng mị, tưởng tượng và linh cảm đã trở thành nguồn cảm hứng cho sự sáng tạo của nhà thơ. Đồng thời, đây cũng là nơi thể hiện rõ nét cái tôi với những suy tư, trăn trở về những cảm nghiệm sống, vượt qua giới hạn của không gian và thời gian. Thơ ông thể hiện sự hướng thiện, sự gần bó chặt chẽ giữa đạo và đời. Ông không truyền bá cho một tôn giáo nào, điều ông mong muốn là con người tin vào điều thiện để sống chan hòa, yêu thương và sống đúng với đạo lí hơn. Những điều này đã làm nên giá trị của thơ Trần Bảo Định trong nền thơ ca đương đại.

3. Kết luận

Trần Bảo Định có sáu tập thơ, tập thơ đầu tay xuất bản năm 2012 nhưng không phải đến những năm đầu của thế kỉ này ông mới bắt đầu sáng tác. Nhiều tác phẩm đã được tác giả viết từ thập niên sáu mươi của thế kỉ trước được lựa chọn, tập hợp và đưa vào trong các tập thơ. Điều đó có thể thấy, nhà thơ đã rất thận trọng, chăm chút cho trang viết của mình, đồng thời, những tình cảm, cảm xúc trong thơ cũng đủ độ chín và sự sâu sắc qua thời gian suy nghiệm. Ông đã lưu giữ lại những sự kiện đã trải qua, những kỉ niệm với thầy, với bạn bè, đồng đội và những tình cảm với gia đình bằng những cảm xúc chân thật và sâu sắc trong các bài thơ. Chính vì vậy, thơ ông dung chứa một hiện thực rộng lớn và thể hiện cái nhìn đa chiều đa diện, trải dài qua những năm tháng thăng trầm của cuộc đời. Mặc dù, chưa phải là nhà thơ nổi tiếng, thế giới nghệ thuật thơ cũng chưa đạt đến độ tinh tế, sắc sảo nhưng thơ ông là những vần thơ đáng đọc. Những tập thơ này đã cung cấp cho người đọc những giá trị thông tin và cái nhìn sâu sắc của một nhà thơ nặng lòng với con người. Ông thể hiện trách nhiệm của một người cầm bút, luôn tâm huyết với mỗi sáng tác. Hành trình “đạo chơi” của Trần Bảo Định trên văn đàn đã để lại nhiều giá trị và dấu ấn trong lòng người đọc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] K. Pautovskii, *The Yellow Rose and the Rainy Dawn*, Ha Noi, Literature Publishing House, 2000.
- [2] T. B. Dinh, *Ngao du sơn thủy*, Ho Chi Minh City, Culture - Literature Publishing House, 2012.
- [3] T. B. Dinh, *Lang tôi*, Ho Chi Minh City, Culture - Literature Publishing House, 2015.
- [4] T. B. Dinh, *Sau tam*, co-printed with Hoang Yen Dy, Da Nang, Da Nang Publishing House, 2013.
- [5] T. B. Dinh, *Mẹ, Tiếng lòng*, Ho Chi Minh City, Culture - Literature Publishing House, 2013.
- [6] T. B. Dinh, *Thay tôi*, Ho Chi Minh City, Culture - Literature Publishing House, 2013.
- [7] T. B. Dinh, *Vợ tôi*, Ho Chi Minh City, Culture - Literature Publishing House, 2014.
- [8] N. D. Duy, *Spiritual Culture*, Ha Noi, Culture - Information Publishing House, 2001.
- [9] N. Q. Thieu, *Message of Beauty and Freedom*, Paper read at the Workshop: East Asian Poetry in the Age of Globalization held in Manheha Village, Korea, May 18, 2009. [Online]. Available: <https://tiasang.com.vn/van-hoa/thong-diep-ve-cai-dep-va-tu-do-2836/> [Accessed December 15, 2023].